

Ninh Bình, ngày 05 tháng 01 năm 2026

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công của Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ vào tình hình quản lý và sử dụng tài sản cố định thực tế năm 2025,

Hôm nay, hồi 8h ngày 05/01/2026, tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Ninh Bình.

I. Thành phần:

1. Ông Hà Duy Tân - Phó giám đốc;
2. Ông Nguyễn Quang Đông - Trưởng Ban thanh tra Nhân dân;
3. Bà Nguyễn Thị Bích Hải - Kế toán trưởng;
4. Bà Trương Thị Thu Hương - Kế toán tài sản.

II. Nội dung:

Tiến hành niêm yết Công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công của Bệnh viện Y học cổ truyền Ninh Bình theo các mẫu biểu: Mẫu số 09a-CK/TSC, về việc mua sắm tài sản năm 2025 và tiếp nhận tài sản của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Ninh Bình.

Địa điểm công khai: trên bảng thông tin của Bệnh viện.

Thời gian niêm yết công khai từ 05/01/2026 đến 04/02/2026.

Tiếp nhận ý kiến trong thời gian công khai: đồng chí Trương Thị Thu Hương, phụ trách kế toán.

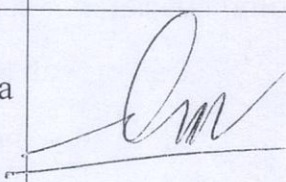
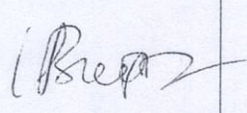
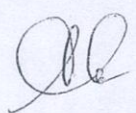
Sau thời gian niêm yết công khai: Bệnh viện sẽ tiến hành lập biên bản kết thúc việc công khai.

Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, trong đó: 01 bản gửi Sở Y tế, 01 bản lưu tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Ninh Bình./.

KT. GIÁM ĐỐC

Hà Duy Tân

CÁC THÀNH PHẦN THAM DỰ CÙNG THÔNG NHẤT KÝ TÊN

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chữ ký
1	Ông Nguyễn Quang Đông	Trưởng Ban thanh tra Nhân dân;	
2	Bà Nguyễn Thị Bích Hải	Kế toán trưởng	
3	Bà Trương Thị Thu Hương	Kế toán tài sản	

Bộ, tỉnh: Tỉnh Ninh Bình

Mẫu số 09a-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Y tế tỉnh Ninh Bình

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Bệnh viện Y học Cổ truyền Ninh Bình

Mã đơn vị: 1042186

Loại hình đơn vị: Khôi sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2025

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi		Ghi chú	
											(nếu có)			
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm						1.335.811							
1	Tài sản cố định khác						1.335.811							
1	Bộ máy vi tính lắp ráp (màn dell cây xigmatek)	bộ	1				12.110							
2	Bộ máy vi tính lắp ráp (màn dell cây xigmatek)		1				12.110							
3	Bộ máy vi tính lắp ráp (màn dell cây xigmatek)		1				12.110							
4	Bộ máy vi tính lắp ráp (màn dell cây xigmatek)		1				12.110							
5	Bộ máy vi tính lắp ráp (màn dell cây xigmatek) đồng hà	Chiếc	1			2025	12.450							

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi		Ghi chú
											(nếu có)		
											Nộp NSNN	Được để lại đơn vị	
											(Nghìn đồng)	(Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
6	Bộ máy vi tính lắp ráp (màn dell cây xigmatek) pp ngọc	Chiếc	1			2025	12.450						
7	Bộ máy vi tính lắp ráp (màn dell cây xigmatek) tân cntt	Chiếc	1			2025	12.450						
8	Bộ máy vi tính lắp ráp (màn dell cây xigmatek) tp công	Chiếc	1			2025	12.450						
9	Cửa cuốn nan nhôm 2025 (nhà thuốc)	Chiếc	1	EUROT EC	Việt Nam	2025	27.071						
10	Giàn sắc thuốc 30 ấm seri STTĐ-680 năm sx 2025 của Việt nam (chạy điện)	Chiếc	1	STTĐ-680	Việt Nam	2025	79.000						
11	Giàn sắc thuốc 30 ấm seri STTĐ-681 năm sx 2025 của Việt Nam(chạy điện)	Chiếc	1	STTĐ-681	Việt Nam	2025	79.000						
12	Giàn sắc thuốc 30 ấm seri STTĐ-682 năm sx 2025 của việt nam(chạy điện)	Chiếc	1	STTĐ-682	Việt Nam	2025	79.000						
13	Máy laser nội mạch không xâm lấn seri 25-KXL-254 năm sx 2025 nước Việt Nam	Chiếc	1	VIETTI EN	Việt Nam	2025	83.000						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi		Ghi chú
							(Nghìn đồng)				(nếu có)		
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
14	Máy laser nội mạch hai đầu ra seri MN650250910 năm sx 2025 của Việt nam	Chiếc	1	MINI	Việt Nam	2025	32.000						
15	Máy laser nội mạch hai đầu ra seri MN650250911 năm sx 2025 của Việt nam	Chiếc	1	MINI	Việt Nam	2025	32.000						
16	Máy laser nội mạch hai đầu ra seri MN650250912 năm sx 2025 của Việt nam	Chiếc	1	MINI	Việt Nam	2025	32.000						
16.1	Nâng cấp hệ thống nhận ảnh X Quang kỹ thuật số (DR) 1 tấm	HT	1	HTNAX Q	Nhật Bản	2025	794.500						
II	Tài sản giao mới						326.282.593						
1	Đất khuôn viên						288.076.136						
17	Đất xây dựng trụ sở làm việc	Khuôn viên	1				288.076.136						
2	Nhà						34.005.593						
18	HT khoa nhiễm khuẩn		1				4.307.254						
19	Nhà bảo vệ	Cái	1				57.369						
20	Nhà bệnh nhân A	Cái	1				12.528.667						
21	Nhà điều trị B	Cái	1				9.979.311						
22	Nhà Dinh Dưỡng	Cái	1				459.582						
23	Nhà Khám Bệnh	Cái	1				1.651.267						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi		Ghi chú	
											(nếu có)			
							Nộp NSNN (Nghìn đồng)				Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
24	Nhà mổ, Nhà xét nghiệm	Cái	1				3.990.023							
25	Nhà tiếp đón bệnh nhân	Cái	1				613.746							
26	Nhà Vệ Sinh	Cái	1				111.374							
27	Nhà xe cán bộ	Cái	1				264.000							
28	Nhà xe ô tô	Cái	1				43.000							
3	Tài sản cố định khác						4.200.864							
29	Máy Biến áp 320KAV- 22/0.4KV và đường dây 0.4KV (BVSN cũ)	Chiếc	1			2017	641.801							
30	Máy điều hoà casper 18000 BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2018	16.600							
31	Máy điều hoà casper 18000 BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2018	11.610							
32	Máy điều hoà casper 18000 BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2018	11.610							
33	Máy điều hoà casper 18000 BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2018	11.610							
34	Máy điều hoà casper 18000 BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2018	11.610							

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
							(Nghìn đồng)				Nộp NSNN	Được để lại đơn vị	
											(Nghìn đồng)	(Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
35	Máy điều hoà casper 18000 BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2018	11.610						
36	Máy điều hoà casper 24000 BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2018	16.600						
37	Máy điều hoà daikin 12000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2012	15.450						
38	Máy điều hoà daikin 12000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2012	15.450						
39	Máy điều hoà daikin 12000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2012	15.450						
40	Máy điều hoà daikin 12000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	16.764						
41	Máy điều hoà daikin 18000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2012	15.450						
42	Máy điều hoà daikin 18000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2013	45.000						
43	Máy điều hoà daikin 18000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2014	17.265						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi		Ghi chú
							(Nghìn đồng)				(nếu có)		
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
44	Máy điều hoà daikin 18000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2014	17.985						
45	Máy điều hoà Daikin 18000 BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	25.450						
46	Máy điều hoà Daikin 18000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	12.970						
47	Máy điều hoà Daikin 18000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	12.970						
48	Máy điều hoà Daikin 18000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2014	17.292						
49	Máy điều hoà Daikin 18000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	32.350						
50	Máy điều hoà Daikin 18000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2008	12.500						
51	Máy điều hoà Daikin 18000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	32.350						
52	Máy điều hoà Daikin 24000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	32.350						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi		Ghi chú
							(Nghìn đồng)				(nếu có)		
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
53	Máy điều hoà Daikin 24000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	32.350						
54	Máy điều hoà daikin 9000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	13.750						
55	Máy điều hoà daikin 9000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	13.750						
56	Máy điều hoà daikin 9000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2013	14.600						
57	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	17.952						
58	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	17.952						
59	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2013	14.600						
60	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	17.952						
61	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	17.952						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
							(Nghìn đồng)				Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
62	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2014	10.203						
63	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	17.952						
64	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	17.952						
65	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2012	12.100						
66	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	12.970						
67	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	12.970						
68	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	12.970						
69	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	12.970						
70	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2012	13.600						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
							(Nghìn đồng)				Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
71	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	12.970						
72	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	12.970						
73	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	25.450						
74	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	12.970						
75	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	12.970						
76	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	25.450						
77	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	12.970						
78	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	12.970						
79	Máy điều hoà Daikin moden 60 20000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	17.952						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi		Ghi chú
							(Nghìn đồng)				(nếu có)		
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
80	Máy điều hoà Daikin moden 60 20000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	17.952						
81	Máy điều hoà daikin moden 71 22000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2010	26.000						
82	Máy điều hoà daikin moden 71 22000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	17.952						
83	Máy điều hoà funiki sbc 18 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2017	10.450						
84	Máy điều hoà Funiki SBC 18 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2017	10.450						
85	Máy điều hoà Funiki SBC 18 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2017	10.450						
86	Máy điều hoà Funiki SBC 18 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2017	10.450						
87	Máy điều hoà funiki sbc 18 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2017	10.450						
88	Máy điều hoà Funiki SBC 24 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2017	13.450						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi		Ghi chú
							(Nghìn đồng)				(nếu có)		
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
89	Máy điều hoà Funiki SBC 24 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2017	13.450						
90	Máy điều hoà Funiki SBC 24 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2017	13.450						
91	Máy điều hoà Funiki SBC 24 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2017	13.450						
92	Máy điều hoà Funiki SBC 24000 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2017	13.450						
93	Máy điều hoà Funiki SBC 24000 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2017	13.450						
94	Máy điều hoà LG 24000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	27.335						
95	Máy điều hoà Media 12000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2016	14.826						
96	Máy điều hoà Media 12000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2016	17.481						
97	Máy điều hoà MEDIA 12000 BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	11.671						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi		Ghi chú
							(Nghìn đồng)				(nếu có)		
											Nộp NSNN	Được để lại đơn vị	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
98	Máy điều hoà MEDIA 12000 BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	11.671						
99	Máy điều hoà media 12000btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	12.309						
100	Máy điều hoà Media 12000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	11.671						
101	Máy điều hoà Media 12000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	11.671						
102	Máy điều hoà media 18000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	15.180						
103	Máy điều hoà media 18000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	16.165						
104	Máy điều hoà Media 18000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	15.419						
105	Máy điều hoà Media 18000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	15.419						
106	Máy điều hoà media 18000btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	15.180						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi		Ghi chú
							(Nghìn đồng)				(nếu có)		
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
107	Máy điều hoà Media 18000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	15.419						
108	Máy điều hoà Media 18000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	15.419						
109	Máy điều hoà Media 24000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	17.784						
110	Máy điều hoà Media 24000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	11.671						
111	Máy điều hoà Media 24000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2015	17.784						
112	Máy điều hoà panasonic 12000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	32.350						
113	Máy điều hoà Panasonic 18000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2013	32.500						
114	Máy điều hoà panasonic 24000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	26.000						
115	Máy điều hoà panasonic 24000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	26.000						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi		Ghi chú
											(nếu có)		
											Nộp NSNN	Được để lại đơn vị	
											(Nghìn đồng)	(Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
116	Máy điều hoà panasonic 24000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2011	26.000						
117	Máy điều hoà pensonic 11000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2009	12.163						
118	Máy điều hoà pensonic 12000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2009	10.004						
119	Máy điều hoà pensonic 12000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2008	11.900						
120	Máy điều hoà pensonic 18000btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2008	15.453						
121	Máy điều hoà pensonic 18000btu 2 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2008	15.453						
122	Máy điều hoà Tosiba 18000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	Chiếc	1			2013	35.800						
123	Máy siêu âm điều trị CHUNG WOO seri U1YG6136 năm sx 2025 của Hàn quốc (NN BIDV tặng)	Chiếc	1	CHUNG WOO	Hàn Quốc	2025	18.500						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi		Ghi chú
							(Nghìn đồng)				(nếu có)		
											Nộp NSNN	Được để lại đơn vị	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
124	Máy siêu âm điều trị CHUNG WOO seri UIYG6138 năm sx 2025 của Hàn quốc (NN BIDV tặng)	Chiếc	1	CHUNG WOO	Hàn Quốc	2025	18.500						
125	Máy siêu âm điều trị sonostat 135 (seri 1432 năm sx 2010 của Đức nhận từ Bv Phôi)	Chiếc	1	SONOS TAT 135	Đức	2010	235.000						
126	Máy siêu âm điều trị sonostat 135 (seri 1469 năm sx 2010 của Đức nhận từ BV Phôi)	Chiếc	1	SONOS TAT 135	Đức	2010	235.000						
127	Thang máy chờ bệnh nhân 20816 (BVSN cũ)	Chiếc	1			2014	1.480.000						
	Tổng cộng						327.618.404						

Ngày 01 tháng 01 năm 2026

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Trương Thị Thu Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Bích Hải

KT. GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Hà Duy Tân

Ninh Bình, ngày 05 tháng 01 năm 2026

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, sử dụng xe ô tô, tài sản cố định khác và tình hình xử lý tài sản công của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ vào biên bản biên bản kiểm kê tài sản năm 2025,

Hôm nay, hồi 8h ngày 05/01/2026, tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Ninh Bình.

I. Thành phần:

1. Ông Hà Duy Tân - Phó giám đốc;
2. Ông Nguyễn Quang Đông - Trưởng Ban thanh tra Nhân dân;
3. Bà Nguyễn Thị Bích Hải - Kế toán trưởng;
4. Bà Trương Thị Thu Hương - Kế toán tài sản.

II. Nội dung:

Tiến hành niêm yết Công khai các mẫu biểu: mẫu số 09b-CK/TSC công khai tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; mẫu số 09c-CK/TSC công khai tình hình quản lý, sử dụng xe ô tô và tài sản cố định khác; mẫu số 09d-CK/TSC công khai tình hình xử lý tài sản công của Bệnh viện Y học cổ truyền Ninh Bình trong năm 2025.

Địa điểm công khai: trên bảng niêm yết thông tin của Bệnh viện.

Thời gian niêm yết công khai từ 05/01/2026 đến 04/02/2026.

Tiếp nhận ý kiến trong thời gian công khai: đồng chí Trương Thị Thu Hương, phụ trách kế toán.

Sau thời gian niêm yết công khai: Bệnh viện sẽ tiến hành lập biên bản kết thúc việc công khai.

Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, trong đó: 01 bản gửi Sở Y tế, 01 bản lưu tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Ninh Bình./.

KT. GIÁM ĐỐC



CÁC THÀNH PHẦN THAM DỰ CÙNG THỐNG NHẤT KÝ TÊN

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chữ ký
1	Ông Nguyễn Quang Đông	Trưởng Ban thanh tra Nhân dân;	
2	Bà Nguyễn Thị Bích Hải	Kế toán trưởng	
3	Bà Trương Thị Thu Hương	Kế toán tài sản	

Bộ, tỉnh: Tỉnh Ninh Bình

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Y tế tỉnh Ninh Bình

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Bệnh viện Y học Cổ truyền Ninh Bình

Mã đơn vị: 1042186

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Năm 2025

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai						Năm sử dụng	Tổng diện tích sản sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản sử dụng (m2))								
				(m2)								Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác													
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21		
1	Đất xây dựng trụ sở làm việc tại Đường Hải Thượng Lân Ông, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	19.224	288.076.136		19.224																	
2	Đất xây dựng trụ sở làm việc tại Số 7 Đường Trần Hưng Đạo - Phường Hoa Lư - TP.Ninh Bình	1.913	33.587.190		1.913																	
3	Nhà chăm cứu Việt (mở rộng phòng khám) tại Số 7 Đường Trần Hưng Đạo - Phường Hoa Lư - TP.Ninh Bình									2019	120	987.662	552.893		120							
4	Nhà Kho bệnh viện tại Số 7 Đường Trần Hưng Đạo - Phường Hoa lư - TP.Ninh Bình									2019	60	494.646	263.696		60							



STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất							Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai					Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai								
				(m2)							toán	(Nghìn đồng)	(lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp						Sử dụng khác	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp						Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
5	HT khoa nhiễm khuẩn								1993	234	4.307.254	2.623.784		234							
6	Nhà bảo vệ								1996	16	57.369	25.889		16							
7	Nhà bảo vệ 1 tầng								2009	12	53.239	7.257		12							
8	Nhà bệnh nhân A								1998	17.120	12.528.667	8.590.862		17.120							
9	Nhà cấp II loại 2 tầng + 3 tầng								1995	427	1.442.859	548.286		427							
10	Nhà cấp IV loại 3 tầng điều trị BN nội trú								2009	936	3.305.000			936							
11	Nhà cầu liên thông nhà ĐTNT 3 tầng - nhà ĐTNT mở rộng 2 tầng								2020	13	193.177	115.867		13							
12	Nhà cầu liên thông nhà ĐTNT 3 tầng - nhà VLTR-Khu ĐH								2020	13	198.730	119.198		13							
13	Nhà chế biến và sắc thuốc								2008	98	349.000			98							
14	Nhà điều trị B								1986	17.100	9.979.311	3.404.089		17.100							
15	Nhà điều trị mở rộng								2017	288	2.028.557	1.072.474		288							
16	Nhà Dinh Dưỡng								1994	389	459.582	232.417		389							
17	Nhà Khám Bệnh								1995	2.530	1.651.267	373.990		2.530							

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà												Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai					Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai									
				(m2)							toán	(Nghìn đồng)	(lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))									
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp						Sử dụng khác	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
18	Nhà mổ, Nhà xét nghiệm								1995	3.190	3.990.023	1.391.616		3.190								
19	Nhà tiếp đón bệnh nhân								2007	3.416	613.746	65.466		3.416								
20	Nhà Vệ Sinh								2003	82	111.374			82								
21	Nhà xe cán bộ								2003	381	264.000			381								
22	Nhà xe ô tô								1996	72	43.000			72								
	Tổng cộng:	21.137	321.663.326		21.137					46.497	43.058.463	19.387.785		46.497								

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Trương Thị Thu Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Bích Hải

Ngày ... tháng 01 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Bộ, tỉnh: Tỉnh Ninh Bình

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Y tế tỉnh Ninh Bình

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Bệnh viện Y học Cổ truyền Ninh Bình

Mã đơn vị: 1042186

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC

Năm 2025

[illegible]

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai				Mục đích sử dụng							
				(Nghìn đồng)			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Nguyên giá										
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
10	Máy điều trị liệu điện tần số thấp kết hợp siêu âm điều trị	Bộ phận vật lý trị liệu	1	32.000	32.000				x						
11	Máy điều trị sóng ngắn	Khoa nội	1	420.000	420.000										x
12	Máy điều trị sóng ngắn	Kho	1	420.000	420.000										x
13	Máy điều trị trị tổng hợp	Kho	1	158.000	158.000										x
14	Máy điều trị từ trường	Bộ phận vật lý trị liệu	1	180.000	180.000										x
15	máy điều trị u sơ tuyến tiền liệt	Kho	1	54.000	54.000				x						
16	Máy điều trị vi sóng	Bộ phận vật lý trị liệu	1	240.000	240.000										x
17	Máy điều trị vi sóng	Bộ phận vật lý trị liệu	1	240.000	240.000										x
18	Máy đo độ loãng xương	Phòng Siêu âm	1	244.000	244.000										x
19	Máy đo tốc độ máu lắng	Khoa dược + xét nghiệm	1	75.500	75.500		39.638								x
20	Máy giặt (CN)	Bộ phận Giặt Là	1	165.000	165.000		66.000								x
21	Máy Giặt LG 15.5Kg	Bộ phận Giặt Là	1	12.250	12.250		2.450		x						
22	Máy giặt LG 17kg/Invetor	Bộ phận Giặt Là	1	18.600		18.600									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
23	Máy huyết học tự động	Khoa được + xét nghiệm	1	415.000	415.000									X
24	Máy kéo giãn cột sống	Bộ phận vật lý trị liệu	1	150.000		150.000								X
25	Máy kéo giãn cột sống cổ, cột sống kèm theo điều trị rung nhiệt	Khoa khám bệnh	1	630.000	630.000									X
26	Máy kéo giãn hệ thống lưng cổ (tên thương mại: Hệ thống máy kéo giãn cổ cột sống với giường nâng hạ chiều cao bằng điện) Model FIZYOTRAC 100	Bộ phận vật lý trị liệu	1	320.000	320.000		240.000							X
27	Máy Laser điều trị	Bộ phận vật lý trị liệu	1	195.000	195.000									X
28	Máy Laser Diode nội mạch	Bộ phận Laser	1	40.000	39.000	1.000	5.000							
29	Máy Laser Diode nội mạch	Bộ phận Laser	1	40.000	32.000	8.000	9.000							
30	Máy Laser Diode nội mạch	Bộ phận Laser	1	40.000	40.000		9.000							
31	Máy điều hoà panasonic 24000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lý TSCD từ BVSN cũ)	1	26.000		26.000								X
32	Máy điều hoà panasonic 24000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lý TSCD từ BVSN cũ)	1	26.000		26.000								X
33	Máy điều hoà panasonic 24000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lý TSCD từ BVSN cũ)	1	26.000		26.000								X
34	Máy điều hoà Panasonic 18000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lý TSCD từ BVSN cũ)	1	32.500		32.500								X

1. NH
 2. NH
 3. NH
 4. NH
 5. NH
 6. NH
 7. NH
 8. NH
 9. NH
 10. NH
 11. NH
 12. NH
 13. NH
 14. NH
 15. NH
 16. NH
 17. NH
 18. NH
 19. NH
 20. NH
 21. NH
 22. NH
 23. NH
 24. NH
 25. NH
 26. NH
 27. NH
 28. NH
 29. NH
 30. NH
 31. NH
 32. NH
 33. NH
 34. NH
 35. NH
 36. NH
 37. NH
 38. NH
 39. NH
 40. NH
 41. NH
 42. NH
 43. NH
 44. NH
 45. NH
 46. NH
 47. NH
 48. NH
 49. NH
 50. NH
 51. NH
 52. NH
 53. NH
 54. NH
 55. NH
 56. NH
 57. NH
 58. NH
 59. NH
 60. NH
 61. NH
 62. NH
 63. NH
 64. NH
 65. NH
 66. NH
 67. NH
 68. NH
 69. NH
 70. NH
 71. NH
 72. NH
 73. NH
 74. NH
 75. NH
 76. NH
 77. NH
 78. NH
 79. NH
 80. NH
 81. NH
 82. NH
 83. NH
 84. NH
 85. NH
 86. NH
 87. NH
 88. NH
 89. NH
 90. NH
 91. NH
 92. NH
 93. NH
 94. NH
 95. NH
 96. NH
 97. NH
 98. NH
 99. NH
 100. NH

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng							
				(Nghìn đồng)			Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Nguyên giá									Giá trị còn lại
	Nguồn ngân sách	Nguồn khác												
35	Máy điều hoà funiki sbc 18 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	10.450		10.450								x
36	Máy điều hoà Funiki SBC 18 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	10.450		10.450								x
37	Máy điều hoà Funiki SBC 18 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	10.450		10.450								x
38	Máy điều hoà funiki sbc 18 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	10.450		10.450								x
39	Máy điều hoà Funiki SBC 18 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	10.450		10.450								x
40	Máy điều hoà Funiki SBC 24 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	13.450		13.450								x
41	Máy điều hoà Funiki SBC 24 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	13.450		13.450								x
42	Máy điều hoà Funiki SBC 24 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	13.450		13.450								x
43	Máy điều hoà Funiki SBC 24 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	13.450		13.450								x
44	Máy điều hoà Funiki SBC 24000 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	13.450		13.450								x
45	Máy điều hoà Funiki SBC 24000 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	13.450		13.450								x
46	Máy điều hoà LG 24000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	27.335		27.335								x
47	Máy điều hoà Media 12000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	14.826		14.826								x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
48	Máy điều hoà Media 12000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lý TSCD từ BVSN cũ)	1	17.481		17.481								x
49	Máy Laser Diode nội mạch 2 đầu ra	Bộ phận Laser	1	40.000		40.000	9.000							x
50	Máy điều hoà MEDIA 12000 BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lý TSCD từ BVSN cũ)	1	11.671		11.671								x
51	Máy điều hoà media 12000btu 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lý TSCD từ BVSN cũ)	1	12.309		12.309								x
52	Máy điều hoà Media 12000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lý TSCD từ BVSN cũ)	1	11.671		11.671								x
53	Máy điều hoà Media 12000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lý TSCD từ BVSN cũ)	1	11.671		11.671								x
54	Máy điều hoà media 18000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lý TSCD từ BVSN cũ)	1	15.180		15.180								x
55	Máy điều hoà media 18000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lý TSCD từ BVSN cũ)	1	16.165		16.165								x
56	Máy điều hoà Media 18000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lý TSCD từ BVSN cũ)	1	15.419		15.419								x
57	Máy điều hoà Media 18000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lý TSCD từ BVSN cũ)	1	15.419		15.419								x
58	Máy điều hoà media 18000btu 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lý TSCD từ BVSN cũ)	1	15.180		15.180								x
59	Máy điều hoà Media 18000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lý TSCD từ BVSN cũ)	1	15.419		15.419								x
60	Máy điều hoà Media 18000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lý TSCD từ BVSN cũ)	1	15.419		15.419								x

IÊN
 ỘC
 UYỆ
 NH BÀN
 ★

[illegible]

[illegible]

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng							
				(Nghìn đồng)			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Nguyên giá									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
86	Phần mềm QLBV Hoa sen	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	450.000	300.000	150.000								
87	Phần mềm QI cán bộ	Phòng hành chính tổ chức	1	12.000	12.000									
88	Phần mềm quản lý bệnh viện (HIS)	Phòng hành chính tổ chức	1	425.000	425.000		85.000		x					
89	Thang máy chờ bệnh nhân 20816 (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	1.480.000		1.480.000								x
90	Thiết bị phục hồi chức năng	Kho	1	220.000	220.000									x
91	Ti vi sony 49 ING4K	Hội trường	1	21.800		21.800			x					x
92	Ti vi sony 75 ING4K	Hội trường	1	62.900		62.900								
93	Tivi Sam sung 50inch	Phòng Giám đốc	1	14.500		14.500	5.800							x
94	Tủ gỗ lim nam phi	Khoa dược + xét nghiệm	1	35.000	35.000		17.500		x					
95	Tủ gỗ lim nam phi	Khoa dược + xét nghiệm	1	35.000	35.000		17.500		x					
96	Tủ Rch	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	12.500		12.500	1.563							
97	Tủ sắc thuốc 30 ấm	Khoa dược + xét nghiệm	1	73.700	67.700	6.000	16.583							x
98	Tủ sắc thuốc 30 ấm	Khoa dược + xét nghiệm	1	73.700		73.700	9.213							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
99	Nồi hấp ướ	Khoa được + xét nghiệm	1	68.000	68.000									X
100	Máy điều hòa funiki 18000 BTU	Bộ phận Laser	3	30.000	30.000									X
101	Máy tính Đông Nam Á	Phòng kế toán	1	10.450	10.450									X
102	Máy tạo oxy 5 L	Khoa chăm cứu phục hồi chức năng	1	12.000	12.000				X					
103	Máy Laser Diode nội mạch Mini 630S	Bộ phận Laser	1	40.000	40.000		13.000							X
104	Máy Laser Diode nội mạch Mini 630S	Bộ phận Laser	1	40.000	40.000		13.000							X
105	Máy Laser nội mạch	Bộ phận Laser	1	28.600	28.600									
106	Máy laser nội mạch	Bộ phận Laser	1	40.000	40.000									
107	Máy laser nội mạch	Bộ phận Laser	1	38.000	38.000									X
108	Máy laser nội mạch	Bộ phận Laser	1	40.000	40.000									
109	Máy laser nội mạch	Bộ phận Laser	1	40.000	40.000									
110	Máy laser nội mạch không xâm lấn seri 25-KXL-254 năm sx 2025 nước Việt Nam	Khoa khám bệnh	1	83.000	68.000	15.000	72.625							X

[illegible]

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng							
				(Nghìn đồng)			Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Nguyên giá									Giá trị còn lại
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
123	Máy Scan HP 300S	Phòng hành chính tổ chức	1	13.550	13.550									
124	Máy Siêu âm đa tần	Bộ phận vật lý trị liệu	1	159.200	159.200		51.740							x
125	Máy siêu âm điều trị	Bộ phận vật lý trị liệu	1	185.000	185.000									x
126	Máy siêu âm điều trị	Bộ phận vật lý trị liệu	1	185.000	185.000									
127	Máy siêu âm điều trị CHUNG WOO seri U1YG6136 năm sx 2025 của Hàn quốc (NN BIDV tặng)	Khoa chăm cứu phục hồi chức năng	1	18.500		18.500	16.188							x
128	Máy siêu âm điều trị CHUNG WOO seri U1YG6138 năm sx 2025 của Hàn quốc (NN BIDV tặng)	Khoa chăm cứu phục hồi chức năng	1	18.500		18.500	16.188							x
129	Máy siêu âm điều trị liệu đa tần số	Kho	1	96.000	96.000		12.000							
130	Máy siêu âm điều trị sonostat 135 (seri 1432 năm sx 2010 của Đức nhận từ Bv Phổi)	Khoa ngoại phụ	1	235.000		235.000								x
131	Máy siêu âm điều trị sonostat 135 (seri 1469 năm sx 2010 của Đức nhận từ BV Phổi)	Khoa nội	1	235.000		235.000								x
132	Máy siêu âm màu	Phòng Siêu âm	1	1.595.000	1.595.000									x
133	Máy rửa phim X-quang	Chẩn đoán hình ảnh	1	260.000	260.000									x
134	Máy điều hoà daikin moden 71 22000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	26.000		26.000								x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
135	Máy điều hoà daikin moden 71 22000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	17.952		17.952								x
136	Máy điều hoà Daikin moden 60 20000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	17.952		17.952								x
137	Cửa cuốn nan nhôm 2025 (nhà thuốc)	Nhà thuốc bệnh viện	1	27.071		27.071	23.687							x
138	Dàn sắc thuốc 30 ấm	Phòng sắc thuốc khoa dược	1	89.062	89.062									x
139	Điều hòa Funiki SC18MMC2	Khoa chăm cứu phục hồi chức năng	1	11.300		11.300	4.238							
140	Điều hòa Funiki SC18MMC2	Bộ phận vật lý trị liệu	1	11.300		11.300	4.238							
141	Điều hòa Funiki SC18MMC2	Khoa chăm cứu phục hồi chức năng	1	11.300		11.300	4.238							
142	Điều hoà Funiki SC-12MMC (của PKTYC)	Bộ phận Tổ chức hành chính	1	12.100	12.100		3.025							
143	Điều hòa Mitsubishi electric MS-JS 35VF	Khoa nội	1	11.400		11.400	5.700							x
144	Điều hòa Mitsubishi electric MS-JS 35VF	Khoa chăm cứu phục hồi chức năng	1	11.400	11.400		5.700							x
145	Điều hòa Mitsubishi electric MS-JS 35VF	Khoa nội	1	11.400		11.400	5.700							x
146	Điều hòa Mitsubishi electric MS-JS 35VF	Khoa chăm cứu phục hồi chức năng	1	11.400	11.400		5.700							x
147	Điều hòa Mitsubishi electric MS-JS 35VF	Khoa nội	1	11.400		11.400	5.700							x

[illegible]

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
160	Hệ thống kéo giãn lưng, cổ	Bộ phận vật lý trị liệu	1	259.000	259.000		135.975							
161	Hệ thống máy sắc và đóng thuốc	Khoa dược + xét nghiệm	1	450.000	450.000									x
162	Kính hiển vi ERMA 2 mắt Nhật	Khoa dược + xét nghiệm	1	16.500	16.500									x
163	Lán để xe máy cho CBBV	Phòng hành chính tổ chức	1	293.939		293.939	146.911							x
164	Lò sắc thuốc hơi	Khoa dược + xét nghiệm	1	50.000	50.000									x
165	Loa Hội trường JBT	Hội trường	1	10.125		10.125	6.075							x
166	Loa Hội trường JBT	Hội trường	1	10.125		10.125	6.075							x
167	Điều hòa Mitsubishi electric 18000BTU	Hội trường	1	17.000		17.000	10.625							x
168	Máy bao viên	Khoa dược + xét nghiệm	1	115.000	115.000									x
169	Bộ máy vi tính lắp ráp (màn dell cây xigmatek) tp công	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	12.450		12.450	9.960							x
170	Bộ máy vi tính lắp ráp (màn dell cây xigmatek) pp ngọc	PHÒNG TCHC	1	12.450		12.450	9.960							x
171	Máy tính All in one Sing PC M22(MH và cây vt tích hợp Hà CĐHA)	Chẩn đoán hình ảnh	1	12.900		12.900	5.160							x
172	Máy tính All in one Sing PC M22(MH và cây vt tích hợp Hà KHTH)	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	12.900		12.900	5.160							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
173	Máy tính All in one Sing PC M22(MH và cây vt tích hợp Huế Bche)	Khoa được + xét nghiệm	1	12.900		12.900	5.160							x
174	Máy tính All in one Sing PC M22(MH và cây vt tích hợp Hue duoc)	Khoa được + xét nghiệm	1	12.900		12.900	12.900							x
175	Máy tính All in one Sing PC M22(MH và cây vt tích hợp khánh ĐD)	Khoa nội	1	12.900		12.900	5.160							x
176	Máy tính All in one Sing PC M22(MH và cây vt tích hợp Liên ĐD)	Khoa ngoại phụ	1	12.900		12.900	5.160							x
177	Máy tính All in one Sing PC M22(MH và cây vt tích hợp Mai tchc)	Phòng hành chính tổ chức	1	12.900		12.900	5.160							x
178	Máy tính All in one Sing PC M22(MH và cây vt tích hợp Như ĐD)	Khoa khám bệnh	1	12.900		12.900	5.160							x
179	Máy tính All in one Sing PC M22(MH và cây vt tích hợp Trang KT)	Phòng kế toán	1	12.900		12.900	5.160							x
180	Máy tính All in one Techpro Sing PC M22Ki3107M2-HH	Khoa chăm cứu phục hồi chức năng	1	13.500	13.500		2.700							x
181	Máy tính All in one Techpro Sing PC M22Ki3107M2-HH	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	13.500	13.500		2.700							x
182	Máy tính All in one Techpro Sing PC M22Ki3107M2-HH	Phòng kế toán	1	13.500	13.500		2.700							x
183	Máy tính All in one Techpro Sing PC M22Ki3107M2-HH	Khoa ngoại phụ	1	13.500	13.500		2.700							x
184	Máy tính All in one Techpro Sing PC M22Ki3107M2-HH	Khoa nội	1	13.500	13.500		2.700							x
185	Bộ máy vi tính lắp ráp (màn dell cây xigmatek) tân cntt	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	12.450		12.450	9.960							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
186	Máy tính All in one Techpro Sing PC M22Ki3107M2-HH	Khoa khám bệnh	1	13.500	13.500		2.700							x
187	Bàn ghế gụ khảm trai	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	19.500	19.500									
188	Bàn ghế gụ khảm trai	Phòng Phó giám đốc Tân	1	19.500	19.500									x
189	Bàn ghế hội thảo hợp	Hội trường	1	39.865	39.865									x
190	Bàn ghế tiếp khách	Phòng Giám đốc	1	10.000		10.000	6.250							x
191	Bàn mô thủy lực 3001	Khoa ngoại phụ	1	13.000	13.000									x
192	Bàn quầy gỗ lim nam phi	Khoa dược - phòng cân	1	24.500	24.500		12.250		x					
193	Bộ lưu điện UPS 2000 VA	Phòng máy chủ	1	17.750		17.750	2.219							
194	Bộ máy tính SingPCH	Trưởng phòng TCHC-TCKT	1	10.000		10.000			x					
195	Bộ máy tính SingPCH	Phòng Giám đốc	1	10.000		10.000			x					
196	Bộ máy vi tính lắp ráp (màn dell cây xigmatek)	Khoa nội	1	12.110		12.110	9.688							x
197	Bộ máy vi tính lắp ráp (màn dell cây xigmatek)	Phòng Siêu âm	1	12.110		12.110	9.688							x
198	Bộ máy vi tính lắp ráp (màn dell cây xigmatek)	Khoa ngoại phụ	1	12.110		12.110	9.688							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
199	Bộ máy vi tính lắp ráp (màn dell cây xigmatek)	Khoa chăm cứu phục hồi chức năng	1	12.110		12.110	9.688							x
200	Bộ máy vi tính lắp ráp (màn dell cây xigmatek) đồng hà	Phòng kế toán	1	12.450		12.450	9.960							x
201	Bàn ghế gụ khám trai	Kho	1	19.500	19.500									x
202	Tủ sấy MEMES500/108L	Khoa dược + xét nghiệm	1	16.500	16.500									x
203	Máy biến áp 180A	Phòng hành chính tổ chức	1	425.971	425.971									
204	Máy châm cứu màn hình tinh thể lỏng có bộ phận dò huyết 6 kênh	Khoa khám bệnh	1	39.000	39.000									x
205	Máy điều hoà Daikin 18000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	12.500		12.500								x
206	Máy điều hoà Daikin 18000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	32.350		32.350								x
207	Máy điều hoà Daikin 24000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	32.350		32.350								x
208	Máy điều hoà Daikin 24000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	32.350		32.350								x
209	Máy điều hoà daikin 9000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	13.750		13.750								x
210	Máy điều hoà daikin 9000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	13.750		13.750								x
211	Máy điều hoà daikin 9000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	14.600		14.600								x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
212	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	17.952		17.952								x
213	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	12.100		12.100								x
214	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	17.952		17.952								x
215	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	17.952		17.952								x
216	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	17.952		17.952								x
217	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	14.600		14.600								x
218	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	10.203		10.203								x
219	Máy điều hoà Daikin 18000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	32.350		32.350								x
220	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	17.952		17.952								x
221	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	12.970		12.970								x
222	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	12.970		12.970								x
223	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	12.970		12.970								x
224	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	13.600		13.600								x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
225	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	12.970		12.970								X
226	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	12.970		12.970								X
227	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	25.450		25.450								X
228	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	12.970		12.970								X
229	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	12.970		12.970								X
230	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	12.970		12.970								X
231	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	12.970		12.970								X
232	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	25.450		25.450								X
233	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	12.970		12.970								X
234	Máy điều hoà Daikin moden 60 20000 btu 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	17.952		17.952								X
235	Máy điều hoà Daikin 9000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	17.952		17.952								X
236	Máy Biến áp 320KAV-22/0.4KV và đường dây 0.4KV (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	641.801		641.801								X
237	Máy điều hoà Daikin 18000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	12.970		12.970								X

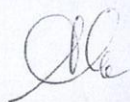
STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
238	Máy điều hoà Daikin 18000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	17.292		17.292								x
239	Máy châm cứu tinh thể lỏng	Kho	1	39.000	39.000									x
240	Máy châm cứu tinh thể lỏng	Khoa châm cứu phục hồi chức năng	1	39.000	39.000									x
241	Máy châm cứu tinh thể lỏng	Kho	1	39.000	39.000									x
242	Máy chiếu đa năng Optoma JSA501	Hội trường	1	21.900	21.900									
243	Máy chủ DELL Poweredge R430	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	98.450		98.450								
244	Máy chủ Lenovo	Kế hoạch tổng hợp- Điều dưỡng - Dinh dưỡng	1	97.500	97.500				x					
245	Máy chủ Server	Phòng kế hoạch tổng hợp	1	143.550	143.550		57.420							x
246	Máy điện não đồ	Phòng Siêu âm	1	815.000	815.000									x
247	Máy điện phân, điện xung điều trị	Bộ phận vật lý trị liệu	1	155.000	155.000		81.375							x
248	Máy điện tim 6 kênh	Chẩn đoán hình ảnh	1	62.900		62.900	33.023		x					
249	Máy điện xung đa năng	Bộ phận vật lý trị liệu	1	82.300	82.300		26.748							
250	Máy điện xung đa năng	Bộ phận vật lý trị liệu	1	95.000	87.300	7.700	21.375							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai				Mục đích sử dụng						
				(Nghìn đồng)				Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại							
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
251	Máy điện xung điều trị	Kho	1	225.000	225.000									X
252	Máy điện xung và điện phân 2 kênh điều trị	Khoa khám bệnh	1	168.500	168.500		54.763							X
253	Máy điều hoà Daikin 18000BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	12.970		12.970								X
254	Máy điều hoà casper 18000 BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	11.610		11.610								X
255	Máy điều hoà casper 18000 BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	11.610		11.610								X
256	Máy điều hoà casper 18000 BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	11.610		11.610								X
257	Máy điều hoà casper 18000 BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	11.610		11.610								X
258	Máy điều hoà casper 18000 BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	11.610		11.610								X
259	Máy điều hoà casper 24000 BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	16.600		16.600								X
260	Máy điều hoà daikin 12000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	15.450		15.450								X
261	Máy điều hoà daikin 12000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	16.764		16.764								X
262	Máy điều hoà daikin 12000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	15.450		15.450								X
263	Máy điều hoà daikin 12000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	15.450		15.450								X

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
264	Máy điều hoà daikin 18000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	17.985		17.985								x
265	Máy điều hoà daikin 18000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	45.000		45.000								x
266	Máy điều hoà daikin 18000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	15.450		15.450								x
267	Máy điều hoà daikin 18000 btu 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	17.265		17.265								x
268	Máy điều hoà Daikin 18000 BTU 2 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	25.450		25.450								x
269	Máy điều hoà casper 18000 BTU 1 chiều (BVSN cũ)	KHO (quản lí TSCD từ BVSN cũ)	1	16.600		16.600								x
270	Tủ sấy thuốc	Khoa dược + xét nghiệm	1	74.900	74.900									x
	Tổng cộng		274	22.654.185	16.050.621	6.603.564	2.926.056							

Người lập báo cáo

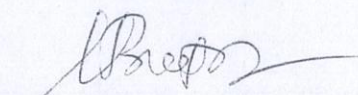
(Ký, họ tên)



Trương Thị Thu Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Bích Hải

Ngày 01 tháng 01 năm 2026

TỈNH
KT. GIÁM ĐỐC
BỆNH VIỆN
Y HỌC
CỔ TRUYỀN
TỈNH NINH BÌNH
(Ký, họ tên và đóng dấu)
Hà Duy Tân

Bộ, tỉnh: Tỉnh Ninh Bình

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Y tế tỉnh Ninh Bình

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Bệnh viện Y học Cổ truyền Ninh Bình

Mã đơn vị: 1042186

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2025

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản			Chi phí xử lý	Ghi chú
		(Nghìn đồng)											(Nghìn đồng)				
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Tổng cộng		Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ			
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
I	Đất																
II	Nhà		11.497.615	4.713.163													
1	HT khoa nhiễm khuẩn tại Đường Hải Thượng Lãn Ông , phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình		4.307.254	2.623.784						x							
2	Nhà bảo vệ tại Đường Hải Thượng Lãn Ông phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình		57.369	25.889						x							
3	Nhà Dinh Dưỡng tại Đường Hải Thượng Lãn Ông , phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình		459.582	232.417						x							
4	Nhà Khám Bệnh tại Đường Hải Thượng Lãn Ông , phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình		1.651.267	373.990						x							
5	Nhà mô, Nhà xét nghiệm tại Đường Hải Thượng Lãn Ông , phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình		3.990.023	1.391.616						x							



STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản			Chi phí xử lý	Ghi chú
		(Nghìn đồng)											(Nghìn đồng)				
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Tổng cộng		Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ			
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
6	Nhà tiếp đón bệnh nhân tại Đường Hải Thượng Lân Ông , phường Vân Giang, thành phố Hoa Lư, tỉnh		613.746	65.466						x							
7	Nhà Vệ Sinh tại Đường Hải Thượng Lân Ông , phường Vân Giang, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình		111.374							x							
8	Nhà xe cán bộ tại Đường Hải Thượng Lân Ông , phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình		264.000							x							
9	Nhà xe ô tô tại Đường Hải Thượng Lân Ông , phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình		43.000							x							
III	Xe ô tô																
IV	Tài sản cố định khác	2.162.850	21.800														
1	Bàn mổ thủy lực 3001	13.000					x				Phá dỡ, hủy bỏ. Vật liệu, vật tư thu hồi						
2	Bộ trung phẫu	10.200					x				Phá dỡ, hủy bỏ. Vật liệu, vật tư thu hồi						
3	Máy châm cứu tĩnh thể lồng	39.000					x				Phá dỡ, hủy bỏ. Vật liệu, vật tư thu hồi						
4	Máy chủ Lenovo	97.500					x				Phá dỡ, hủy bỏ. Vật liệu, vật tư thu hồi						

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản			Chi phí xử lý	Ghi chú
		(Nghìn đồng)											(Nghìn đồng)				
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Tổng cộng		Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ			
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
5	Máy điện xung điều trị	225.000					x				Phá dỡ, hủy bỏ. Vật liệu, vật tư thu hồi						
6	Máy điều trị kích thích điện tần 2 kênh	33.000					x				Phá dỡ, hủy bỏ. Vật liệu, vật tư thu hồi						
7	Máy điều trị laser nội mạch	114.000					x				Phá dỡ, hủy bỏ. Vật liệu, vật tư thu hồi						
8	Máy điều trị sóng ngắn	420.000					x				Phá dỡ, hủy bỏ. Vật liệu, vật tư thu hồi						
9	Máy điều trị trĩ tổng hợp	158.000					x				Phá dỡ, hủy bỏ. Vật liệu, vật tư thu hồi						
10	máy điều trị u sơ tuyến tiền liệt	54.000					x				Phá dỡ, hủy bỏ. Vật liệu, vật tư thu hồi						
11	Máy đo độ loãng xương	244.000					x				Phá dỡ, hủy bỏ. Vật liệu, vật tư thu hồi						
12	Máy Laser điều trị	195.000					x				Phá dỡ, hủy bỏ. Vật liệu, vật tư thu hồi						
13	Máy laser nội mạch	38.000					x				Phá dỡ, hủy bỏ. Vật liệu, vật tư thu hồi						
14	Máy Laser nội mạch	28.600					x				Phá dỡ, hủy bỏ. Vật liệu, vật tư thu hồi						

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản			Chi phí xử lý	Ghi chú
		(Nghìn đồng)			thẩm quyền								(Nghìn đồng)				
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Tổng cộng		Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ			
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
15	Máy rửa được liệu	97.000					x				Phá dỡ, hủy bỏ. Vật liệu, vật tư thu hồi						
16	Máy sấy thuốc	125.000					x				Phá dỡ, hủy bỏ. Vật liệu, vật tư thu hồi						
17	Máy siêu âm điều trị	185.000					x				Phá dỡ, hủy bỏ. Vật liệu, vật tư thu hồi						
18	Máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động 3000 EVOLUTION	69.500					x				Phá dỡ, hủy bỏ. Vật liệu, vật tư thu hồi						
19	Nồi áp suất 6.2013	17.050					x				Phá dỡ, hủy bỏ. Vật liệu, vật tư thu hồi						
20	Ti vi sony 49 ING4K		21.800				x				Phá dỡ, hủy bỏ. Vật liệu, vật tư thu hồi						
	Tổng nguồn	2.162.850	11.519.415	4.713.163													
	Tổng Cộng		13.682.265	4.713.163													

Ngày... tháng 01 năm 2026

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Trương Thị Thu Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Bích Hải

KT. GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Hà Duy Tân

Ninh Bình, ngày 05 tháng 01 năm 2026

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai tình hình khai thác tài sản công tại đơn vị Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông Tư số 120/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

Căn cứ vào tình hình quản lý và sử dụng tài sản cố định thực tế năm 2025,

Hôm nay, hồi 8h ngày 05/01/2026, tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Ninh Bình.

I. Thành phần:

- | | |
|----------------------------|----------------------------------|
| 1. Ông Hà Duy Tân | - Phó giám đốc; |
| 2. Ông Nguyễn Quang Đông | - Trưởng Ban thanh tra Nhân dân; |
| 3. Bà Nguyễn Thị Bích Hải | - Kế toán trưởng; |
| 4. Bà Trương Thị Thu Hương | - Kế toán tài sản. |

II. Nội dung:

Tiến hành niêm yết công khai tình hình khai thác tài sản công tại đơn vị Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Ninh Bình theo mẫu biểu: Mẫu số 04d-CK/TSC, về việc công khai tình hình khai thác tài sản công tại đơn vị năm 2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Ninh Bình.

Địa điểm công khai: trên bảng thông tin của Bệnh viện.

Thời gian niêm yết công khai từ 05/01/2026 đến 04/02/2026.

Tiếp nhận ý kiến trong thời gian công khai: đồng chí Trương Thị Thu Hương, phụ trách kế toán.

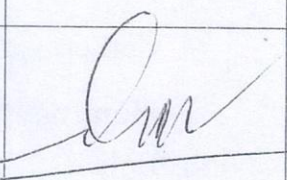
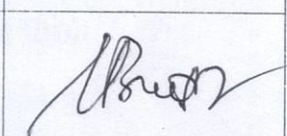
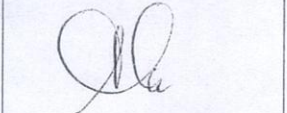
Sau thời gian niêm yết công khai: Bệnh viện sẽ tiến hành lập biên bản kết thúc việc công khai.

Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, trong đó: 01 bản gửi Sở Y tế, 01 bản lưu tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Ninh Bình./.

KT. GIÁM ĐỐC

***Hà Duy Tân**

CÁC THÀNH PHẦN THAM DỰ CÙNG THỐNG NHẤT KÝ TÊN

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chữ ký
1	Ông Nguyễn Quang Đông	Trưởng Ban thanh tra Nhân dân;	
2	Bà Nguyễn Thị Bích Hải	Kế toán trưởng	
3	Bà Trương Thị Thu Hương	Kế toán tài sản	

Bộ, tỉnh: Tỉnh Ninh Bình

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Y tế Tỉnh Ninh Bình

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Ninh Bình

Mã đơn vị: 1042186

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
NĂM 2025**

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên: Diện tích là: m²; Nguyên giá/Giá trị còn lại/Số tiền/Chi phí là: Nghìn đồng.

Stt	Tên tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Khai thác		Kinh doanh		Cho thuê		Liên doanh, liên kết		Số tiền thu được trong năm	Chi phí	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	Số tiền giữ lại	Ghi chú
						Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	1	48			48								126.960.000	127.995.000	9.206.000	0	
1,1	Đất																	
	...																	
1,2	Nhà																	
1	Phòng Nấu ăn	1	48			48								126.960.000	127.995.000	9.206.000	0	Tận dụng diện tích 1 phòng trống của Nhà chế biến và sắc thuốc nguyên giá: 349.000.000Đ

Người lập báo cáo

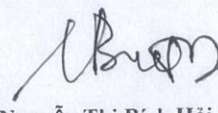
(Ký, họ tên)



Trương Thị Thu Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Bích Hải

Ngày 15 tháng 4 năm 2026

KT GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Hà Duy Tân